TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vượng
2. Bà Hoàng Thị Oanh

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2020/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn N, sinh năm 1990.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1997.

Cùng trú tại: Thôn Vân T, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ L đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2016 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn V, xã V, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng.

Nay anh xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Nam P, sinh ngày 26/8/2016. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu P và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/01/2021 chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa chị và anh N như anh N trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị L xác định vợ chồng chị do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Quan điểm của chị L là tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Nam P, sinh ngày 26/8/2016. Khi ly hôn chị nhất trí giao cháu P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Chị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N, xử cho anh Trần Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L. Giao cháu Trần Nam P, sinh ngày 26/8/2016 cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh N và chị L xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trần Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ L đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn V, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh N và chị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn N, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh N và chị L xác định: Anh N và chị L kết hôn vào năm 2016. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn V, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Bản thân anh N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị L cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh N là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Qúa trình giải quyết ly hôn anh N đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nam P, sinh ngày 26/8/2016. Chị L có quan điểm nhất trí giao cháu P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy quan điểm của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy HĐXX chấp nhận giao cháu Trần Nam P, sinh ngày 26/8/2016 cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh N và chị L đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Trần Văn N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị L không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Nam P, sinh ngày 26/8/2016 cho anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004079 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Mỹ L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh